

Bản án số: 157/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08-12-2020

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Út.

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 427/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 103/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1999 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Dương Hoài T, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị với anh Dương Hoài T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Phú, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang. Thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn do cả hai không còn hợp nhau và đã ly thân từ tháng 01/2019 đến nay. Nhận thấy, không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Hoài Th, sinh ngày 06/6/2018 hiện đang sống với anh T. Ly hôn chị đồng ý giao cháu Th cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản - nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Dương Hoài T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D khởi kiện ly hôn bị đơn anh Dương Hoài T, anh T có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã P, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, bị đơn anh Dương Hoài T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Nguyễn Thị D và anh Dương Hoài T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 142 vào ngày 03/11/2017, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy quan hệ vợ chồng giữa anh chị đã thật sự đổ vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, theo chị D trình bày thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn do cả hai không còn hợp nhau và đã ly thân từ tháng 01/2019 đến nay. Riêng đối với anh Dương Hoài T, từ khi được Tòa án thông báo về việc chị D ly hôn anh vẫn bỏ mặc không có ý kiến gì, chứng tỏ anh không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng với chị D nữa. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị D với anh T thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị D trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Dương Hoài Th, sinh ngày 06/6/2018 hiện đang sống với anh T. Xét thấy, từ khi chị D và anh T ly thân thì cháu Dương Hoài Th do anh T trực tiếp nuôi dưỡng ổn định, phát triển tốt. Do vậy, tiếp tục giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng: Chị D trình bày chị không phải cấp dưỡng nuôi con còn anh Dương Hoài T không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị D trình bày không có, còn anh Dương Hoài T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D. Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Dương Hoài T.

2. Về con: Giao con chung tên Dương Hoài Th, sinh ngày 06/6/2018 cho anh Dương Hoài T nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005831 ngày 01/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã P, huyện Cai Lậy, TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

